

Số 2035 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 04 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 129/TTr-SNN ngày 27/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BCĐ CT MTQGXDN TM TW;
- CT, PCT;
- Như điều 2;
- Thành viên BCĐNTM tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT (qd 50-012).



Trương Tấn Thiệu

QUY ĐỊNH

**Chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh:

Quy định này áp dụng cho tất cả các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thuộc chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ để các xã triển khai thực hiện các tiêu chí và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi hoàn thành các tiêu chí được quy định tại Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2010 – 2020

- **Cấp tỉnh:** Ban chỉ đạo chương trình thành lập các tổ công tác thẩm định các tiêu chí đạt được theo báo cáo đề xuất của Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã và đề nghị UBND tỉnh quyết định công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- **Cấp huyện, thị xã:** Ban chỉ đạo phân công các tổ kiểm tra, hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, đồng thời đánh giá các tiêu chí đạt được, báo cáo đề xuất Ban chỉ đạo tỉnh xem xét.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch

1. Giải thích từ ngữ:

Quy hoạch là bố trí, sắp xếp địa điểm, diện tích sử dụng các khu chức năng trên địa bàn xã: khu phát triển dân cư (bao gồm cả chính trang các khu dân cư hiện có và bố trí khu mới); hạ tầng kinh tế - xã hội, các khu sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... theo chuẩn nông thôn mới.

2. Nội dung quy hoạch:

a. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

- Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã cần nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng của xã. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.



+ Đối với địa phương *chưa có* quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.

+ Đối với các địa phương *đã có* quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất và làm căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng.

- Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ: Xác định qui mô dân số, chỉ tiêu đất cho từng nhóm hộ, qui mô chiếm đất và nhu cầu đất của toàn thôn. Đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống cho người và gia súc.

- Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hoá lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã; các khu vực có tính đặc thù khác.

- Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các thôn, bản với vùng sản xuất, với trung tâm xã và vùng liên xã (bao gồm hạ tầng phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống); đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống.

b. Quy hoạch sử dụng đất

- Lập quy hoạch sử dụng đất:

+ Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được cấp huyện phân bổ.

+ Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất lúa nương, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác.

+ Trong quá trình lập quy hoạch nông thôn mới, cần xác định diện tích những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

- Lập kế hoạch sử dụng đất: Phân chia các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng, diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

+ Phân kỳ sử dụng đất theo 2 giai đoạn: 2011 – 2015 và 2016 – 2020.

+ Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho giai đoạn 2011 – 2015.

- Hệ thống chỉ tiêu và biểu quy hoạch sử dụng đất.

- Đối với các xã chưa triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 – 2020 thì thực hiện theo điều này (không lập quy hoạch sử dụng đất riêng).

c. Quy hoạch sản xuất

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

+ Xác định tiềm năng, quy mô của từng loại hình sản xuất (những cây trồng, vật nuôi hiện là thế mạnh của địa phương và định hướng những cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng theo từng giai đoạn; định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, có giá trên thị trường).

+ Phân bổ khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngành trồng trọt (lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả); khu chăn nuôi; khu nuôi trồng thủy sản; nhà xưởng bảo quản, chế biến; công nghiệp và dịch vụ. Hạng mục quy hoạch phải rõ vị trí theo thôn, bản.

+ Xác định mạng lưới hạ tầng gồm: giao thông nội đồng (thể hiện đường đến lô diện tích 1ha trở lên); thủy lợi (kênh mương tự nhiên và nhân tạo đến kênh cấp 3). Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, hệ thống cấp và thoát nước thải khu ao nuôi thủy sản.

+ Giải pháp chủ yếu để phát triển đạt yêu cầu của quy hoạch.

- Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:

+ Tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ: Tài nguyên, đất đai, lao động.

+ Lựa chọn loại ngành công nghiệp, dịch vụ cần phát triển và giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

+ Xác định chỉ tiêu phát triển công nghiệp, dịch vụ của xã (tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trên giá trị tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn).

+ Giải pháp chủ yếu để đạt yêu cầu phát triển theo quy hoạch.

d. Quy hoạch xây dựng

- Đối với thôn, bản và khu dân cư mới:

+ Xác định quy mô dân số, số hộ theo đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa; công trình công cộng từng thôn, khu dân cư mới.

+ Xác định hệ thống thôn, bản và khu dân cư mới.

+ Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian; Yêu cầu, nguyên tắc, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, xác định vị trí, quy mô khu trung tâm thôn, dân cư tập trung; khu sản xuất, các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, khu vực không xây dựng và các nhu cầu khác; các vùng đặc thù, các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng;

+ Cải tạo chỉnh trang thôn, bản, nhà ở: Định hướng giải pháp tổ chức không gian ở, các qui định về kiến trúc, màu sắc, hướng dẫn cải tạo nhà, tường rào, cổng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, kiến trúc, vật liệu truyền thống của địa phương,

+ Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất, công trình công cộng thôn, khu dân cư cũ và xây dựng mới;

- Đối với trung tâm xã:

+ Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất, dự báo quy mô xây dựng mới hoặc cải tạo, định hướng kiến trúc đặc trưng đối với khu trung tâm và từng công trình công cộng cấp xã;

+ Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, tầng cao, giải pháp kiến trúc công trình công cộng và dịch vụ, cây xanh, các vùng phát triển, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn.

+ Các chỉ tiêu về quy hoạch đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã.

+ Xác định các dự án ưu tiên đầu tư tại trung tâm xã và các thôn, bản, khu vực được lập quy hoạch.

- Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn



xã, các thôn, bản và vùng sản xuất và liên xã, xác định hệ thống, vị trí, quy mô danh mục công trình, định hướng giải pháp cải tạo chỉnh trang, tiêu chuẩn kỹ thuật, mặt cắt chính đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.

- Về lập quy hoạch xây dựng thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 32/2009/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện: tại trung tâm xã; các thôn, bản; vùng sản xuất và khu vực được lập quy hoạch; khái toán nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất cho giai đoạn 2010 – 2015

3. Căn cứ để xây dựng quy hoạch

- Thông tư Liên tịch số 13/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài nguyên & Môi trường về quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020.

- Thông tư số 07/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- QCVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng;

- QĐKT-ĐNT- 2006- Quy định kỹ thuật điện nông thôn;

- Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

- TCVN 4054: 2005 - Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 6696: 2004 - Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh - Yêu cầu chung bảo vệ môi trường;

- TCXDVN 260: 2004 - Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quyết định số 32/2004/QĐ-BTC ngày 06/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn.

- Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-BKHCNMT-BXD của Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường ngày 18/01/2001 hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với việc lựa chọn địa điểm xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn;

- TCXDVN 261: 2001 - Bãi chôn lấp chất thải rắn - Tiêu chuẩn thiết kế;

- 22TCN 210-1992 - Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế;

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ: Đạt.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội – môi trường theo chuẩn mới: Đạt.

- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc: Đạt.

Điều 4. Tiêu chí giao thông

1. Giải thích từ ngữ

- Đường cấp AH là đường nối trung tâm hành chính huyện với trung tâm hành chính xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện (đường cấp AH được phân ra hai loại là địa hình đồng bằng (AH) và miền núi (AH_{MN})).

- Đường cấp A và cấp B là đường nối từ xã đến thôn, liên thôn.

- Đường cấp C là loại đường nối từ thôn đến xóm, liên xóm, từ xóm ra vườn, rẫy, đồng ruộng, đường nối giữa vườn, rẫy, đồng ruộng.

- “Mặt đường cứng hóa” là mặt đường được trải bằng một trong những loại vật liệu như: Bê tông xi măng; đá dăm láng nhựa; đá dăm kẹp vữa xi măng; đá lát; đá dăm, cấp phối đá dăm...

2. Căn cứ để quy hoạch, thiết kế, xây dựng và xét công nhận tiêu chí

Tùy thuộc vào tình hình thực tế nguồn nguyên vật liệu ở địa phương, Ban QLDA lựa chọn chủng loại vật liệu cho phù hợp. Tuy nhiên, khuyến khích sử dụng loại đường bê tông xi măng là loại mặt đường rất dễ huy động sự đóng góp của nhân dân về vật tư (xi măng, cát, đá, sỏi đỏ...) và nhân công, xe máy tại địa phương để thực hiện.

Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020;

a). Cấp đường giao thông

- Đường cấp AH địa hình đồng bằng:

+ Tốc độ tính toán: 30 Km/h.

+ Chiều rộng mặt đường: 3,5m.

+ Chiều rộng lề đường: 1,5m.

+ Chiều rộng nền đường: 6,5m.

- Đường cấp AH địa hình miền núi (AH_{MN}):

+ Tốc độ tính toán: 20 Km/h;

+ Chiều rộng mặt đường: 3,5m.

+ Chiều rộng lề đường: 1,25m.

+ Chiều rộng của nền đường: 6,0m.

- Đường cấp A: Đường cấp A (theo tiêu chuẩn đường GTNT 22TCN 210-92) là đường chủ yếu phục vụ cho các phương tiện giao thông cơ giới loại trung, với các tiêu chuẩn kỹ thuật của đường như sau:

+ Tốc độ tính toán: 10 ÷ 15 Km/h.

+ Bề rộng mặt: 3,5m.

+ Bề rộng nền: 5,0m.

- *Đường cấp B*: Đường cấp B (theo tiêu chuẩn đường GTNT 22TCN 210-92) là đường phục vụ cho các phương tiện giao thông thô sơ, xe cơ giới loại nhỏ, với các tiêu chuẩn kỹ thuật của đường như sau:

- + Tốc độ tính toán: 10 ÷ 15 Km/h
- + Bề rộng mặt: 3,0m.
- + Bề rộng nền: 4,0m.

- *Đường cấp C*: Đường cấp C là đường chủ yếu phục vụ cho các phương tiện giao thông thô sơ và mô tô 2 bánh với các tiêu chuẩn kỹ thuật của đường như sau:

- + Tốc độ tính toán: 10 ÷ 15 Km/h
- + Bề rộng mặt: 2,0m.
- + Bề rộng nền: 3,0m.

b). Kết cấu đường

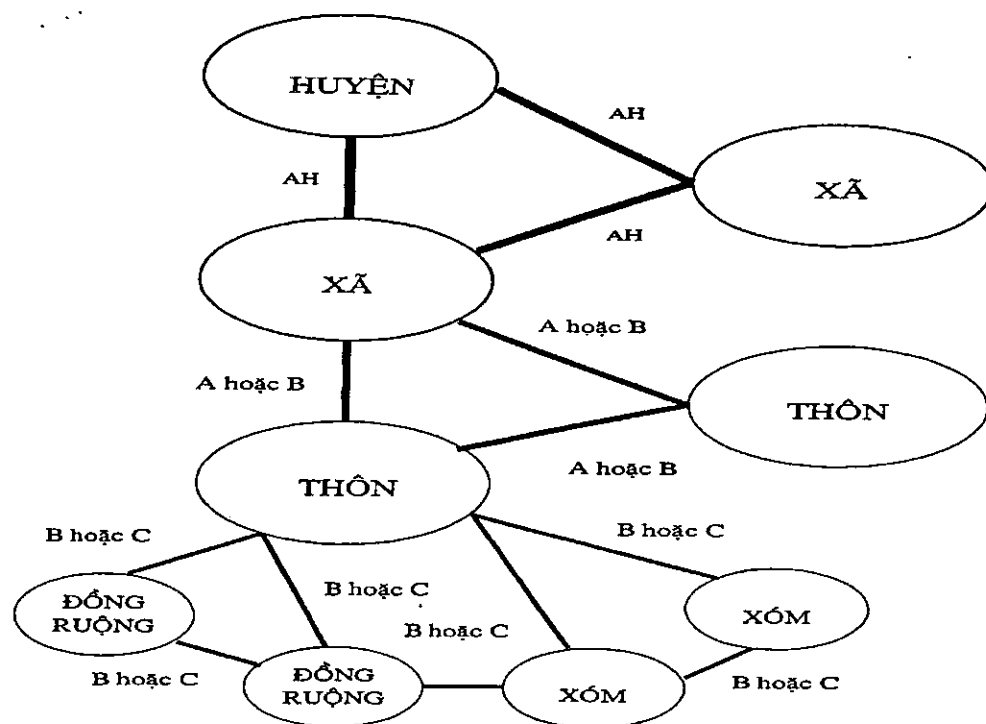
Các loại mặt đường thông thường được sử dụng cho đường cấp AH, cấp A, cấp B và cấp C như sau:

Số TT	Loại mặt đường	Phạm vi sử dụng			
		Đường loại AH	Đường loại A	Đường loại B	Đường loại C
1	Bê tông xi măng	M250-300	M250-300	M150-200	M150-200
2	Đá dăm láng nhựa	+	+	+	+

- Chiều dày tối thiểu cho các loại mặt đường trên như sau:

Số TT	Loại mặt đường	Phạm vi sử dụng			
		Đường cấp AH	Đường cấp A	Đường cấp B	Đường cấp C
1	Bê tông xi măng	18cm (móng dày 15cm)	16cm (móng dày 12cm)	14cm (móng dày 10cm)	14cm (móng dày 10cm)
2	Đá dăm láng nhựa	Láng nhựa 3 lớp trên lớp móng 4x6 dày 20 cm	Láng nhựa 3 lớp trên lớp móng 4x6 dày 20 cm	Láng nhựa 2 lớp trên lớp móng 4x6 dày 16-18 cm	Láng nhựa 1 lớp trên lớp móng 4x6 dày 14-16 cm

c). Sơ đồ cấp thiết kế đường giao thông nông thôn:



4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đạt 100%.
- Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm, ấp được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đạt 100%.
- Tỷ lệ km đường ngõ xóm, ấp sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% cứng hóa.
- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng, vườn, rẫy được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 100%.

Điều 5. Tiêu chí thủy lợi

Áp dụng đối với các xã đã có công trình thủy lợi.

1. Giải thích từ ngữ

- Công trình thủy lợi là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, bao gồm: Đê, hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh và bờ bao các loại.
- Hệ thống công trình thủy lợi bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt khai thác và bảo vệ trong một khu vực nhất định.
- Kiên cố hoá kênh mương là việc xây lát tấm bê tông; xây bằng đá, gạch hoặc lắp ghép bằng bê tông đúc sẵn nhằm đảm bảo cho các cấp kênh chuyển đủ lưu lượng và đạt cao trình mực nước thiết kế; nâng cao năng suất tưới, tiết kiệm nước, tiết kiệm đất xây dựng, tiết kiệm điện, giảm chi phí quản lý, khai thác và kéo dài tuổi thọ công trình.
- Kênh do xã quản lý: là phần kênh mương thuộc phạm vi xã, do các tổ chức hợp tác dùng nước (Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoặc Tổ chức dùng

nước khác) của người dân quản lý, khai thác vận hành và duy tu sửa chữa hàng năm.

2. Phương pháp xác định hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh được hiểu là:

a. Về đê hoặc bờ bao chống lũ (đối với những xã có đê hoặc bờ bao chống lũ): được xây dựng đạt chuẩn về phòng chống lũ, bão, triều cường và nước dâng theo quy định, bao gồm: hoàn chỉnh mặt cắt thiết kế, cứng hoá mặt đê và đường hành lang chân đê, trồng cỏ mái đê, trồng cây chân đê phía sông, phía biển; làm lại hoặc tu sửa các công dưới đê đảm bảo vững chắc, đồng bộ với mặt cắt đê; xử lý sạt lở đảm bảo ổn định, an toàn cho đê; đảm bảo môi trường xanh, sạch đẹp; có ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp xã, có đội quản lý đê nhân dân, đội tuần tra canh gác đê trong mùa lũ theo quy định, hoạt động có hiệu quả.

b. Đối với công trình tưới tiêu:

- Đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu chủ động cho diện tích gieo trồng lúa, diện tích rau màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, thoát nước theo quy hoạch được duyệt.

- Các công trình thủy lợi đảm bảo tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, dân sinh phát huy đạt trên 75% năng lực thiết kế.

- Các công trình thủy lợi có chủ quản lý đích thực đạt 100%; Có sự tham gia của người dân trong quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi. Công trình được duy tu, sửa chữa thường xuyên hàng năm, chống xuống cấp, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả; không để xảy ra ô nhiễm nguồn nước.

3. Các căn cứ để xây dựng quy hoạch và công nhận tiêu chí

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN285:2002: công trình thủy lợi
- Các quy định chủ yếu về thiết kế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2002/QĐ-BXD ngày 28/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Các tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến: thiết kế hệ thống kênh tưới, tiêu; trạm bơm; hồ chứa và các công trình thủy lợi khác;

- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 và Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008;

- Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn giai đoạn 2009 - 2015;

- Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương;

- Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn củng cố, phát triển và thành lập các tổ chức hợp tác dùng nước.

- Thông tư số 134/1999/TT-BNN-QLN ngày 25/9/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kiên cố hoá kênh mương.

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Đạt.

- Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa đạt 85%.

Điều 6. Tiêu chí điện nông thôn

1. Giải thích từ ngữ

- Hệ thống điện gồm: lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây cấp trung áp, đường dây cấp hạ áp.

- Hệ thống điện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện được hiểu là đáp ứng các nội dung của quy định kỹ thuật điện nông thôn năm 2006 (QĐKT-ĐNT-2006), cả về lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây cấp trung áp, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ, chất lượng điện áp (chỉ tiêu thông số kỹ thuật quy định tại các chương 1, 2, 3, 4, 5 của quy định này).

- Các nguồn cấp điện cho nông thôn gồm: nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia, hoặc ngoài lưới điện quốc gia. Tại địa bàn chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia, tùy điều kiện cụ thể của địa phương để xem xét, áp dụng phương tiện phát điện tại chỗ như thủy điện nhỏ, điện mặt trời, diesel ... hoặc kết hợp các nguồn nói trên với quy mô công suất hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ điện cho nhu cầu phụ tải và triển vọng phát triển trong vòng 5-10 năm tới.

2. Căn cứ để xây dựng quy hoạch, thiết kế và xét công nhận tiêu chí

- Luật Điện lực (số 28/2004/QH 11 có hiệu lực từ ngày 01/7/2005);

- Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ về hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp.

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006 đến 11 TCN-21-2006;

- Quy định kỹ thuật điện nông thôn QĐKT-ĐNT-2006 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp;

- Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN01: 2008/BCT) ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ Công Thương quy định các nguyên tắc bảo đảm an toàn khi làm việc tại đường dây, thiết bị điện.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Đạt.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đối với xã phải đạt 99% trở lên.

Điều 7. Tiêu chí trường học.

1. Giải thích từ ngữ

a). Trường mầm non, nhà trẻ có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia: một xã có các điểm trường, đảm bảo tất cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và tổ chức cho trẻ ăn bán trú, cụ thể như sau:



- Trường đặt tại trung tâm khu dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Diện tích khu đất xây dựng nhà trường, nhà trẻ gồm: diện tích sân chơi; diện tích cây xanh; đường đi. Diện tích sử dụng bình quân tối thiểu 12m^2 cho một trẻ đối với khu vực nông thôn và miền núi; 8m^2 cho một trẻ đối với khu vực thành phố và thị xã. Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài bằng gạch, gỗ, kim loại hoặc cây xanh cắt tía làm hàng rào. Cổng chính có biển tên trường theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ trường mầm non.

- Có đủ phòng chức năng, khối phòng hành chính quản trị, phòng ngủ, phòng ăn, hiên chơi, phòng y tế, khu vệ sinh, khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có mái che... được xây dựng kiên cố. Nhà trẻ có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Khu trẻ chơi được lát gạch, xi măng hoặc trồng thảm cỏ. Phòng sinh hoạt chung được trang bị đủ bàn ghế cho giáo viên và trẻ. Có máy vi tính, các phương tiện làm việc và các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ trẻ.

b. Trường tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia

- Trường có tối đa không quá 30 lớp, mỗi lớp có tối đa không quá 35 học sinh.

- Có khuôn viên không dưới $6\text{m}^2/01$ học sinh vùng thành phố/thị xã; không dưới $10\text{m}^2/01$ học sinh đối với các vùng còn lại.

- Có đủ phòng học cho mỗi lớp học (diện tích phòng học bình quân không dưới $01\text{m}^2/01$ học sinh). Trong phòng học có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh, có trang bị hệ thống quạt, bàn, ghế, bảng, bục giảng, hệ thống chiếu sáng, trang trí phòng học đúng quy cách. Được trang bị đầy đủ các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Điều kiện vệ sinh đảm bảo các yêu cầu xanh, sạch, đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh.

- Có nhà tập đa năng, thư viện đạt chuẩn theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 và Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đủ các phòng chức năng: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng hoạt động đội, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng thương trực.

- Trường có nguồn nước sạch, có khu vệ sinh riêng cho cán bộ giáo viên và học sinh, riêng cho nam và nữ, có khu để xe, có hệ thống cống rãnh thoát nước, có tường hoặc hàng rào cây xanh bao quanh trường.

c. Trường trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia

- Có tổng diện tích mặt bằng tính theo đầu học sinh ít nhất đạt từ 6m^2 trở lên (đối với nội thành, nội thị) và từ 10m^2 /học sinh trở lên (đối với các vùng còn lại);

- Cơ cấu các khối công trình gồm có: Phòng học và phòng học bộ môn (có đủ phòng học để học nhiều nhất là hai ca trong 1 ngày;

- Phòng học bộ môn xây dựng theo quy định tại Quyết định số 37/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phòng học xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam do Bộ Xây dựng ban hành; phòng học có đủ bàn ghế học sinh phù hợp với lứa tuổi, bàn ghế của giáo viên, bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát);

- Nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ và viên chức nhà trường, phòng giáo viên, phòng y tế học đường, nhà kho, phòng thường trực; khu sân chơi, bãi tập (có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn); khu vệ sinh và khu để xe.

- Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

2. Căn cứ để quy hoạch, thiết kế xây dựng và xét công nhận tiêu chí

- Thông tư số 06/2010/TT-BGD&ĐT ngày 26/2/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp đạt chuẩn quốc gia;

- Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

- Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

- Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học.

- Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Mầm non;

- Tiêu chuẩn thiết kế nhà trẻ, trường mẫu giáo (Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 262:2002);

- Tiêu chuẩn thiết kế trường học phổ thông (Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN 3978:1984).

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia của xã phải đạt 100%.

Điều 8. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hoá

1. Giải thích từ ngữ

- Trung tâm văn hóa, thể thao xã là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập của cộng đồng xã, bao gồm: Nhà văn hoá đa năng (hội trường, phòng chức năng, phòng tập, các công trình phụ trợ và các dụng cụ, trang thiết bị tương ứng theo quy định) và Sân thể thao phổ thông (sân bóng đá, sân bóng chuyền, các sân nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ và tổ chức các môn thể thao dân tộc của địa phương).

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn, ấp là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập của cộng đồng thôn.



2. Tiêu chuẩn Trung tâm văn hóa, thể thao đạt chuẩn của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, cụ thể như sau:

a. Đối với xã

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn
1	Diện tích đất được sử dụng	Diện tích đất quy hoạch khu Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã (không tính diện tích sân vận động).	Từ 1.000 - 1.500m ² Trở lên
2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường văn hoá đa năng.	Từ 150-200 chỗ ngồi
		2.2. Phòng chức năng nhà văn hoá đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	4 phòng trở lên
		2.3. Sân bóng đá tối thiểu 90x120m (không tính diện tích các sân khác)	Sân bóng đá tối thiểu 90x120m (không tính diện tích các sân khác)
		2.4. Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hoá, Thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa)	Đạt 80%
3	Trang thiết bị	3.1. Hội trường Văn hoá đa năng có đủ: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh.	Đạt 80%
		3.2. Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng xã	Đạt 80%
4	Cán bộ	4.1. Cán bộ quản lý: có trình độ trung cấp về văn hóa, thể dục thể thao trở lên; được hưởng phụ cấp chuyên trách và bán chuyên trách.	Đạt.
		4.2. Cán bộ nghiệp vụ có chuyên môn về văn hóa, thể thao; được hợp đồng và hưởng thù lao bán chuyên trách.	Có cộng tác viên thường xuyên.

5	Kinh phí hoạt động	5.1. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm.	Đảm bảo
		5.2. Thù lao cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được quy định tại Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 12/5/2010	
6	Hoạt động văn hóa văn nghệ.	6.1. Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.	Tối thiểu 04 cuộc/năm.
		6.2. Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng.	Tối thiểu 2 cuộc/năm.
		6.3. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ.	3 câu lạc bộ trở lên. Có hoạt động.
		6.4. Thư viện, phòng đọc sách, báo	Có hoạt động
		6.5. Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc.	Có hoạt động
		6.6. Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa.	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.
7	Hoạt động thể dục thể thao	7.1. Thi đấu thể thao.	4 cuộc/năm
		7.2. Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.	Tối thiểu 20%/tổng số dân
8	Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em	Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao	Đạt 20% thời gian hoạt động
9	Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ.	Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao thôn (ấp, bản) hiện có	Đạt 100%

b. Đối với thôn, ấp

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn
1	Diện tích đất quy hoạch	1.1. Diện tích đất khu Nhà văn hóa	Từ 200-300m ² trở lên

		1.2. Diện tích Khu thể thao	Từ 1000-1.500m ² trở lên
2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường Nhà văn hóa	Từ 60-80 chỗ ngồi trở lên
		2.2. Sân khấu trong hội trường	Từ 25m ² trở lên
		2.3. Sân tập thể thao đơn giản	Từ 200m ² trở lên
		2.4. Công trình phụ trợ Nhà văn hóa-Khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, cổng, tường rào bảo vệ)	Đạt 80%
		2.5. Có thể xây dựng những công trình thể thao khác được quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.	
3	Trang thiết bị	3.1. Trang bị của hội trường Nhà văn hóa:	Đạt 80%
		- Bộ tăng âm (tivi, ampli, micro, loa)	
		- Bộ trang trí, khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, ảnh hoặc tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu nhỏ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí...	
		- Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt	
		- Tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi	
		- Bảng tin, nội quy hoạt động	
		- Một số nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương.	

		3.2. Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Có các dụng cụ thể thao tối thiểu
4	Kinh phí hoạt động thường xuyên	4.1. Ngân sách địa phương hỗ trợ	Tỷ lệ cụ thể do địa phương quy định
		4.2. Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa	
5	Cán bộ nghiệp vụ	5.1. Trình độ chuyên môn	Qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ
		5.2. Chế độ thù lao	Hưởng thù lao theo công việc
6	Kết quả thu hút nhân dân tham gia hoạt động	6.1. Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên	30% trở lên/tổng số dân
		6.2. Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên	15% trở lên/tổng số dân
		6.3. Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em	20% thời gian hoạt động

3. Căn cứ để quy hoạch, thiết kế xây dựng và đánh giá tiêu chí:

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch ban hành Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn.

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Xã phải có nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch: đạt 100%.

Điều 9. Tiêu chí chợ nông thôn.

Chờ Quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Tiêu chí bưu điện

1. Giải thích từ ngữ

- Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông là địa điểm cung ứng một/hoặc cả hai dịch vụ; dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông công cộng. Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông gồm có:

+ Điểm phục vụ bưu chính;

+ Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

- *Dịch vụ bưu chính* là dịch vụ chấp nhận vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

- *Dịch vụ viễn thông* là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

- *Điểm phục vụ bưu chính* là nơi chấp nhận, phát bưu gửi, gồm: bưu cục, ki ốt, đại lý, thùng thư công cộng và hình thức khác thuộc mạng bưu chính công cộng để chấp nhận, phát bưu gửi.

- *Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng* là địa điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ, bao gồm điểm cung cấp dịch vụ có người phục vụ và điểm cung cấp dịch vụ không có người phục vụ. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Căn cứ để xét công nhận tiêu chí:

Quyết định số 463/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí ngành thông tin và truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông: Đạt

- Xã có internet đến thôn: Đạt

Điều 11. Tiêu chí nhà ở dân cư

1. Giải thích từ ngữ

- Nhà tạm là loại nhà không đảm bảo mức độ sử dụng tiện nghi tối thiểu, thiếu các diện tích đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu: bếp, nhà vệ sinh xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc không đảm bảo yêu cầu “3 cứng” (gồm nền cứng, khung cứng, mái cứng) và không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng có các chỉ tiêu sau:

+ Diện tích nhà ở đạt từ 14m²/ người trở lên;

+ Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên;

+ Đảm bảo quy hoạch, bố trí không gian các công trình trong khuôn viên ở (gồm: nhà ở và các công trình đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu như bếp, nhà vệ sinh...) phải đảm bảo phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt đối với mọi thành viên trong gia đình; đồng thời các công trình đảm bảo yêu cầu tối thiểu về diện tích sử dụng;

+ Có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sinh hoạt như điện, nước sạch, vệ sinh môi trường.... Giao thông đi lại từ chỗ ở phải kết nối với hệ thống giao thông chung của thôn, bản, đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại của người cũng như các phương tiện khác như xe thô sơ, xe máy...;

+ Kiến trúc, mẫu nhà ở phải phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, từng vùng, miền (nếu có).

2. Căn cứ để thiết kế xây dựng nhà ở dân cư và xét công nhận tiêu chí

- Thông tư số 05/TT-BXD-ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở;
- Quyết định số 76/2004/QĐ-TTg ngày 06/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Xã không còn nhà tạm dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn xã phải đạt từ 90% trở lên.

Điều 12. Tiêu chí thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh

Chờ Quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Tiêu chí hộ nghèo

1. Giải thích từ ngữ

Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người từ ngưỡng nghèo trở xuống theo Chuẩn nghèo được quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011, cụ thể: hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4,8 triệu đồng/người/năm) trở xuống.

2. Căn cứ xác định, xét công nhận tiêu chí

Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Tỷ lệ hộ nghèo của xã phải đạt từ 3% trở xuống.

Điều 14. Tiêu chí cơ cấu lao động

Chờ Quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất

Xã có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả là trên địa bàn xã có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã được thành lập chuyên sản xuất, làm một số dịch vụ hoặc kinh doanh tổng hợp trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; kinh doanh có lãi được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Điều 16. Tiêu chí giáo dục

Chờ Quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Tiêu chí Y tế

Chờ Quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Tiêu chí văn hóa

Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo Quy chế công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá", "Làng văn hoá", "Tổ dân phố văn

hoá" ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23/6/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch)

Điều 19. Tiêu chí môi trường

1. Giải thích từ ngữ:

- Nước sạch theo quy chuẩn quốc gia là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009.

- Nước hợp vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn các yêu cầu chất lượng: không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần có thể gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn quốc gia là tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh. Trong đó, có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia trên tổng số hộ của xã: 90% số hộ, trong đó 50% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh bao gồm: Các cơ sở sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiểu thủ công nghiệp), các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản của hộ cá thể, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

2. Phương pháp xác định

a. Không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường (không có cơ sở sản xuất - kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường), có các hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp gồm các nội dung:

- Trong mỗi thôn (bản, buôn, ấp) đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom về nơi quy định để xử lý.

- Định kỳ tổ chức tổng vệ sinh với sự tham gia của mọi người dân.

- Tổ chức trồng cây xanh ở nơi công cộng, đường giao thông và các trục giao thông chính nội đồng.

- Tôn tạo các hồ nước tạo cảnh quan đẹp và điều hoà sinh thái.

b. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch

- Mỗi thôn hoặc liên thôn cần quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài.

- Có quy chế về quản lý nghĩa trang quy định cụ thể khu nghĩa trang phải có khu hung táng, cát táng, tâm linh, nơi trồng cây xanh, có lối đi thuận lợi cho việc thăm viếng. Mộ phải đặt theo hàng, xây dựng đúng diện tích và chiều cao quy định.

- Cùng với việc quy hoạch và xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang cần vận động người dân:

+ Thực hiện hoá táng thay cho chôn cất ở những nơi có điều kiện;

+ Thực hiện chôn cất tại nghĩa trang thay cho chôn cất tại vườn (ở những nơi còn phong tục này).

3. Căn cứ để đánh giá tiêu chí

- Điều 37, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội;
- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;
- Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định việc chuyển đổi một số tiêu chuẩn môi trường do nhà nước công bố bắt buộc áp dụng thành quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 328/2005/QĐ-TTg ngày 12/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia về Kiểm soát ô nhiễm môi trường đến năm 2010.
- Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư Trung ương về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.
- TCVN 7956: 2008 - Nghĩa trang đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế
- Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải TCVN 5945:2005;
- Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ TCVN 5939:2005;
- Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ TCVN 5940:2005;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản QCVN 11:2008/BTNMT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất QCVN 15:2008/BTNMT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại trong đất QCVN 03:2008/BTNMT;
- Chất thải nguy hại, phân loại TCVN 6706 - 2000;
- Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường TCVN 6696 - 2000;
- Bãi chôn lấp chất thải rắn. Tiêu chuẩn thiết kế TCXD 261 - 2001;
- Quyết định số 27/2004/QĐ-BXD ngày 09/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành TCVN 320 - 2004 về bãi chôn lấp chất thải nguy hại. Tiêu chuẩn thiết kế.
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/ 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại;

- Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Tỷ lệ hộ trên địa bàn xã được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo chuẩn quốc gia đạt từ 90% trở lên.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã phải đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- Trên địa bàn xã không có các hoạt động gây suy giảm môi trường, có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp: Đạt.

- Nghĩa trang trên địa bàn xã được xây dựng theo quy hoạch: Đạt.

- Chất thải, nước thải trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định: Đạt.

Điều 20. Tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh

1. Giải thích từ ngữ:

- Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội ở xã bao gồm: Tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tổ chức Đảng: Đảng ủy xã và các chi bộ thôn, bản; các chi bộ ở các ngành thuộc xã và đơn vị đóng trên địa bàn sinh hoạt tại xã.

- Chính quyền: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các ban giúp việc cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các trưởng thôn.

- Đoàn thể chính trị - xã hội: Mặt Trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã và các chi hội ở thôn, liên thôn (không bao gồm các tổ chức xã hội nghề nghiệp).

- Cán bộ xã nêu ở tiêu chí này bao gồm cán bộ, công chức xã theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

2. Phương pháp xác định

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định là tất cả các thôn, bản đều có các tổ chức "chân rết" của các cơ quan đoàn thể xã theo quy định như: các chi bộ đảng, các chi hội, trưởng thôn, bản. Không có tình trạng để "trắng" các tổ chức này ở các thôn bản.

- Cán bộ xã đạt chuẩn: Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Đảng ủy, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh":

+ Đảng ủy hoặc chi bộ cơ sở "trong sạch, vững mạnh" phải đảm bảo 05 yêu cầu theo quy định.

+ Chính quyền "trong sạch, vững mạnh" phải đảm bảo 07 yêu cầu theo quy định.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- Xã có đủ các hệ thống chính trị cơ sở đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Cán bộ xã đạt chuẩn.

- Đảng ủy xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”,

- Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

Điều 21. Tiêu chí an ninh, trật tự xã hội được giữ vững

1. *Giải thích từ ngữ:* An ninh, trật tự xã hội được giữ vững là giữ vững sự ổn định và phát triển của xã hội có tổ chức, có kỷ cương, trong trạng thái bình yên, trên cơ sở những quy định của pháp luật.

2. *Phương pháp xác định:* xã đạt tiêu chí về an ninh, trật tự xã hội phải đạt các tiêu chí sau:

a. Tiêu chí 1:

- Hàng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; có bảng đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn xã “An toàn về ANTT”.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự; 100% khu dân cư trên địa bàn xã tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT” theo chỉ đạo của UBND và hướng dẫn của cơ quan công an cấp trên.

- Hàng năm, UBND xã có bản đăng ký thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, cuối năm phân loại “Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT” đạt từ loại khá trở lên.

- Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành công an. Hàng năm, Công an xã có bản đăng ký thi đua, cuối năm phân loại thi đua tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên; không có cá nhân Công an xã bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Các tổ chức, lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn xã được xây dựng, củng cố vững mạnh và tham gia có hiệu quả vào công tác giữ gìn ANTT; mỗi khu dân cư có ít nhất một mô hình tiên tiến trong công tác giữ gìn ANTT.

b. Tiêu chí 2:

Không để xảy ra các hoạt động sau:

- Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng.

- Tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; gây rối an ninh, trật tự.

- Mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp kéo dài trái pháp luật.

c. Tiêu chí 3:

- Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Không có công dân của xã phạm tội nghiêm trọng trở lên; nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.



- Kiểm chế và làm giảm các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật khác so với năm trước.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không có tệ nạn xã hội và không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng.

- Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân ở khu dân cư gây ra ở cộng đồng.

- Kiểm chế và làm giảm cháy, nổ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động ít nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng so với năm trước.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg

- An ninh trật tự trên địa bàn xã được giữ vững: Đạt.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, UBND các xã và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện đúng theo Quy định này.

Điều 23. Điều chỉnh, bổ sung

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc những quy định không còn phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương (huyện, xã) thì các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo điều chỉnh để thực hiện./.



Trương Tấn Thiệu